

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2026/KDTM-ST
Ngày: 06-4-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thiện Lộc

Ông Lê Quốc Quân.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 64/2026/TLST-KDTM ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH Q; Mã số doanh nghiệp: 3702615056; địa chỉ: Xưởng 2, Lô K5, đường N4 và D4, Khu công nghiệp N mở rộng, phường U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981; Số CCCD: 042181004776; địa chỉ: Xưởng 2, Lô K5, đường N4 và D4, Khu công nghiệp N mở rộng, phường U, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 26/01/2026). Có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH SX & TM H; Mã số doanh nghiệp: 3703168146; địa chỉ: Thửa đất số 485, tờ bản đồ số 2, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Huỳnh Phi Y, sinh năm 1995; Số CCCD: 074195007505 và ông Nguyễn Phú Th, sinh năm 1988; Số CCCD: 074088009391; nơi cư trú: 453, đường L, Tổ 70, khu phố 8, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 18/3/2026). Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10 tháng 05 năm 2025, giữa Công ty TNHH Q (Nguyên đơn) và Công ty TNHH SX & TM H (Bị đơn) có tiến hành ký hợp đồng nguyên tắc số: 012025QX-HH. Nội dung hợp đồng: Mua bán thùng giấy các loại. Thời hạn thanh toán là: 30 (Ba mươi ngày) kể từ ngày chốt công nợ của tháng bán hàng. Theo thỏa thuận, sau khi xuất hàng và chốt công nợ được 02 bên công ty xác nhận, nguyên đơn tiến hành xuất hóa đơn GTGT đầy đủ nhưng phía bị đơn chỉ thực hiện thanh toán được một thời gian, nhưng thường xuyên vi phạm thời hạn (Thanh toán chậm hơn so với thỏa thuận). Sau đó thì không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng của một số tháng, cụ thể như sau: Tháng 6 năm 2025 là 1.102.134.600 đồng; Tháng 7 năm 2025 là 1.319.695.200 đồng; Tháng 8 năm 2025 là 856.332.000 đồng.

Khi đến hạn thanh toán, bị đơn thanh toán rất chậm và số tiền thanh toán cho từng lần rất ít. Vào ngày 15 tháng 09 năm 2025, sau khi nguyên đơn liên lạc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì giữa 02 bên gặp mặt để thống nhất thời hạn thanh toán, phía bị đơn xin gia hạn và hẹn ngày 16/09/2025 sẽ thanh toán hết công nợ tháng 6/2025 và ngày 30/09/2025 thanh toán hết công nợ tháng 7/2025 nhưng sau đó không thực hiện. Ngày 01 tháng 10 năm 2025, giữa 02 bên lại gặp mặt, phía bị đơn hứa hẹn thanh toán hết công nợ tháng 6 vào ngày 03/10/2025 và thanh toán hết công nợ tháng 7 vào ngày 30/10/2025. Tuy nhiên đã qua ngày 30/10/2025, nguyên đơn vẫn chưa nhận được khoản thanh toán nào từ phía bị đơn như đã hứa.

Đến ngày 17/12/2025, sau 21 lần thanh toán được số tiền 1.265.134.600 đồng, thì bị đơn đã không có thiện chí hợp tác, gọi điện thì bấm từ chối cuộc gọi, nhắn tin thì không trả lời, nếu có trả lời thì nói đang họp, đang đi máy bay...

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết như sau: Buộc bị đơn thanh toán tiền hàng còn nợ cho nguyên đơn với số tiền là 2.013.027.200 đồng. Tuy nhiên, sau khi tòa án thụ lý vụ án, ngày 13/3/2026, bị đơn có thanh toán cho nguyên đơn số

tiền 30.000.000 đồng. Như vậy tính đến nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.983.027.200 đồng. Nay, nguyên đơn yêu cầu **Công ty TNHH SX & TM H** phải thanh toán cho Công ty TNHH Q số tiền 1.983.027.200 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi ba triệu không trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm đồng). Không yêu cầu tính lãi.

Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về quá trình ký hợp đồng, thực hiện hợp đồng. Bị đơn thừa nhận việc thanh toán công nợ chậm đúng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn xác nhận còn nợ số tiền hàng là 1.983.027.200 đồng. Đồng ý thanh toán số tiền này cho nguyên đơn. Tuy nhiên, hiện nay kinh tế của bị đơn đang rất khó khăn, không có khả năng thanh toán số tiền trên 1 lần cho nguyên đơn. Bị đơn đưa ra phương án thanh toán là mỗi tháng sẽ trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 20/4/2026.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu **Công ty TNHH SX & TM H** phải thanh toán cho Công ty TNHH Q số tiền 1.983.027.200 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi ba triệu không trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm đồng).

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”. Buộc **Công ty TNHH SX & TM H** phải thanh toán cho Công ty TNHH Q số tiền 1.983.027.200 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi ba triệu không trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm đồng).

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ phát sinh từ việc mua bán hàng hóa, bị đơn có trụ sở tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án hợp đồng nguyên tắc số 012025QX-HH ngày 10/5/2025 về việc mua bán thùng giấy các loại giữa nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn thừa nhận về việc ký kết hợp đồng cũng như nội dung trong hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc, các bên phải tôn trọng thực hiện.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là 1.983.027.200 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xác nhận số nợ 1.983.027.200 đồng và đồng ý thanh toán cho nguyên đơn, cụ thể mỗi tháng sẽ trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 20/4/2026. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý với phương án thanh toán của bị đơn. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 của Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.983.027.200 đồng là có cơ sở chấp nhận

[2.3] Về tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

- Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50; Điều 55; Điều 306; Điều 319 của Luật thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Q với bị đơn **Công ty TNHH SX & TM H** về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Buộc **Công ty TNHH SX & TM H** phải trả cho Công ty TNHH Q số tiền 1.983.027.200 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi ba triệu không trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 của **Luật thương mại**.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- **Công ty TNHH SX & TM H** phải chịu 71.490.816 đồng (Bảy mươi một triệu bốn trăm chín mươi nghìn tám trăm mười sáu đồng).

- Trả lại cho Công ty TNHH Q số tiền 36.130.000 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013142 ngày 27/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Loan

